
(Đề thi có 3 trang)

Họ và tên: Số báo danh: Mã đề 101

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Liên Hợp Quốc viết tắt là

- A. UNESCO. B. WTO. C. UN. D. APEC.

Câu 2. Cho bảng số liệu:

QUY MÔ GDP VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA KHU VỰC MỸ LA TINH
NĂM 2020

QUỐC GIA	GDP (Tỉ USD)	DÂN SỐ (Triệu người)
Mê – hi – cô	1090,5	127,8
Bra xin	1448,6	211,8
Chi lê	252,7	19,3

- A. Bra xin có quy mô GDP cao nhất.
B. Quy mô GDP của các nước trong khu vực Mỹ La Tinh tương đương nhau.
C. Chi lê là quốc gia có GDP/ người cao nhất.
D. Dạng biểu đồ thích hợp thể hiện số dân của một số nước trong khu vực Mỹ La Tinh là đường.

Câu 3. Cho bảng số liệu:

TRỊ GIÁ XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ TOÀN THỂ GIỚI GIAI ĐOẠN
2000-2020
Đơn vị: tỉ USD.

Năm/ Trị giá	Xuất khẩu	Nhập khẩu
2000	8 034,8	8 003,7
2015	21 280,8	20 815,8
2020	22 350,6	21 49,6

- A. Dạng biểu đồ thích hợp nhất so trị giá xuất nhập khẩu thế giới giai đoạn 2000-2020 là biểu đồ tròn.
B. Giá trị nhập khẩu thế giới năm 2015 có giá trị lớn nhất.
C. Năm 2020 giá trị xuất khẩu nhỏ hơn giá trị nhập khẩu.
D. Giá trị xuất khẩu toàn thế giới giai đoạn 2000-2020 tăng liên tục.

Câu 4. Do lãnh thổ Mỹ La Tinh rộng lớn và trải dài trên nhiều vĩ độ nên khu vực này có

- A. nhiều loại đất khác nhau.
B. nhiều đới và kiểu khí hậu khác nhau.
C. nhiều loại tài nguyên khoáng sản quý.
D. nhiều dạng địa hình khác nhau.

Câu 5. Nguyên nhân gây mất an ninh lương thực *không* bao gồm nguyên nhân nào sau đây ?

- A. Biến đổi khí hậu.
B. Các cuộc xung đột vũ trang.
C. Thiên tai, dịch bệnh.
D. Nguồn tài nguyên khoáng sản cạn kiệt.

Câu 6. Nguồn cung cấp nước chủ yếu cho các hệ thống sông ở phía đông dãy An-đét là

- A. băng tuyết tan. B. nước hồ, đầm. C. nước mưa. D. nước ngầm.

Câu 7. Mật độ dân số trung bình của Mỹ La Tinh năm 2020 là

- A. 63 người/km². B. 33 người/km². C. 23 người/km². D. 53 người/km².

Câu 8. Để bảo vệ hoà bình thế giới, các quốc gia *không* nên

- A. loại bỏ vũ khí hạt nhân và vũ khí huỷ diệt.
B. tham gia lực lượng giữ gìn hoà bình Liên Hợp Quốc.
C. dùng vũ khí để giải quyết mâu thuẫn.
D. tăng cường đối thoại để giải quyết mâu thuẫn.

Câu 9. Nhóm đất feralit phân bố trên các cao nguyên ở Nam Mỹ, tạo thuận lợi cho phát triển

- A. cây ăn quả và cây lương thực. B. cây công nghiệp và cây ăn quả.
C. cây lương thực và chăn nuôi. D. cây lương thực và cây công nghiệp.

Câu 10. Khu vực Mĩ La Tinh tiếp giáp với hai đại dương nào ?

- A. Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương. B. Thái Bình Dương và Bắc Băng Dương.
C. Thái Bình Dương và Đại Tây Dương. D. Đại Tây Dương và Ấn Độ Dương.

Câu 11. Cơ cấu ngành kinh tế của các nước đang phát triển chuyển dịch theo hướng

- A. công nghiệp hoá và hiện đại hoá.
B. giảm các ngành có chất lượng cao, tăng các ngành có chất lượng thấp.
C. từ nền kinh tế công nghiệp sang nền kinh tế tri thức.
D. giảm tỉ trọng ngành dịch vụ, tăng tỉ trọng ngành công nghiệp.

Câu 12. Biểu hiện nào sau đây *không* phải của toàn cầu hoá kinh tế ?

- A. Thương mại thế giới phát triển mạnh.
B. Vai trò của các công ty đa quốc gia ngày càng giảm.
C. Gia tăng số lượng các tiêu chuẩn áp dụng toàn cầu.
D. Thị trường tài chính quốc tế mở rộng.

Câu 13. Trụ sở của Liên Hợp Quốc được đặt ở thành phố nào ?

- A. Bec-lin (Đức). B. New-York (Hoa Kỳ).
C. Pa-ri (Pháp). D. Luân Đôn (Anh).

Câu 14. Phía đông và phía tây của Mĩ La Tinh giáp với hai đại dương lớn, đã tạo điều kiện

- A. phát triển giao thông vận tải biển và các ngành khai thác khoáng sản kim loại.
B. phát triển các ngành kinh tế biển, giao lưu, hợp tác với các nước bằng đường bộ.
C. phát triển ngành công nghiệp khai khoáng và giao lưu với các nước trên thế giới bằng đường bộ.
D. phát triển các ngành kinh tế biển, giao lưu, hợp tác với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Câu 15. Việt Nam gia nhập tổ chức Thương Mại Thế Giới vào năm

- A. 1989. B. 1967. C. 1995. D. 2007.

Câu 16. Toàn cầu hoá trong khu vực tài chính *không* được biểu hiện qua nội dung nào sau đây ?

- A. Tự do hoá tham gia hoạt động ngân hàng
B. Tự do hoá lãi suất.
C. Tự do hoá việc di chuyển của dân cư.
D. Tự do hoá việc di chuyển của các luồng vốn quốc tế.

Câu 17. Phía bắc của Mĩ La Tinh giáp với quốc gia nào ?

- A. Mê-hy-cô. B. Ca-na-đa. C. Bra-xin. D. Hoa Kỳ.

Câu 18. Thu nhập quốc gia bình quân đầu người phản ánh

- A. trình độ phân công lao động xã hội và chất lượng cuộc sống của dân cư.
B. trình độ phát triển kinh tế và chất lượng cuộc sống của dân cư.
C. trình độ học vấn và chất lượng cuộc sống của dân cư.
D. trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và năng suất lao động xã hội.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Năng lượng là nhân tố tác động trực tiếp đến sự phát triển kinh tế - xã hội ở hầu hết các quốc gia trên thế giới, ảnh hưởng đến quan hệ quốc tế. An ninh năng lượng được hiểu là việc duy trì các nguồn cung cấp năng lượng, giá cả hợp lí, đồng thời phải tiến hành công tác bảo vệ môi trường và cung cấp khả năng ứng phó với các tình huống khẩn cấp.

- a) Trữ lượng và sản lượng một số nguồn năng lượng hoá thạch có xu hướng giảm.
b) Các cuộc xung đột ở thế kỉ XX đều liên quan đến vấn đề năng lượng và an ninh năng lượng.
c) Hiện nay thế giới phụ thuộc nhiều vào nguồn năng lượng tái tạo.

d) Hiện nay các nguồn năng lượng tái tạo đã thay thế hoàn toàn nguồn năng lượng hoá thạch.

Câu 2. Mỹ La Tinh là khu vực rộng lớn, có diện tích khoảng 20 triệu km², bao gồm Mê-hi-cô, các quốc đảo trong vùng biển Ca-ri-bê, các quốc gia ở eo đất Trung Mỹ và toàn bộ Nam Mỹ.

a) Phía bắc Mỹ La Tinh giáp với Hoa Kỳ và Ca-na-đa.

b) Mỹ La Tinh là một bộ phận của châu Mỹ, nằm hoàn toàn ở bán cầu tây.

c) Phía đông và phía tây Mỹ La Tinh giáp hai đại dương lớn.

d) Kênh đào Pa-na-ma nối giữa Đại Tây Dương và Ấn Độ Dương.

Câu 3. Bảo vệ hoà bình là bảo đảm tình trạng bình yên, ổn định cho phát triển, không có chiến tranh hay xung đột vũ trang, duy trì mối quan hệ hiểu biết, tôn trọng, bình đẳng và hợp pháp giữa các quốc gia, dân tộc, người dân.

a) Bảo vệ hoà bình trên thế giới giúp tăng trưởng kinh tế, tăng cường các mối quan hệ hợp tác kinh tế.

b) Bảo vệ hoà bình là trách nhiệm của một số quốc gia và một số khu vực trên thế giới.

c) Để bảo vệ hoà bình các quốc gia cần tăng cường phòng thủ giải quyết mâu thuẫn xung đột bằng vũ trang.

d) Hiện nay có nhiều mối đe dọa hoà bình và an ninh quốc tế như đói nghèo, xung đột vũ trang, biến đổi khí hậu...

Câu 4. Nền kinh tế Mỹ La Tinh còn phụ thuộc nhiều vào tư bản nước ngoài, các quốc gia trong khu vực có tỉ lệ nợ nước ngoài cao so với GDP.

a) Tốc độ tăng GDP của khu vực Mỹ La Tinh tương đối ổn định.

b) Nợ nước ngoài gây khó khăn trong vấn đề giải quyết việc làm, cải thiện cuộc sống người dân.

c) Nợ nước ngoài đã kìm hãm tốc độ tăng trưởng kinh tế của Mỹ La Tinh.

d) GDP giữa các quốc gia trong khu vực Mỹ La Tinh không có sự chênh lệch nhiều.

PHẦN III: Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

GDP CỦA CÁC TRUNG TÂM KINH TẾ LỚN CỦA THẾ GIỚI NĂM 2021

Đơn vị: Tỷ USD

Các trung tâm kinh tế	EU	Hoa Kỳ	Trung Quốc	Nhật Bản	Thế giới
GDP	17177,4	23315,1	17734,1	4940,9	96513,1

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, 2022)

Tính tỉ trọng GDP của EU so với thế giới năm 2021? (lấy kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất của %).

Câu 2. Tính mật độ dân số của EU năm 2021 biết dân số là 447,1 triệu người và diện tích là 4,233 triệu km²? (Lấy kết quả đến hàng đơn vị của người / km²).

Câu 3. Cho bảng số liệu:

GDP CỦA EU GIAI ĐOẠN 1957 - 2021

Đơn vị: Nghìn tỉ USD

Năm	1957	1995	2007	2013	2021
GDP	1,1	8,3	14,7	15,3	17,2

Tính tốc độ tăng trưởng GDP của EU năm 2021, lấy năm 1957 = 100% là năm gốc. (Lấy kết quả đến hàng đơn vị của %).

Câu 4. Năm 2021 GDP CHLB Đức chiếm 24,8% GDP của EU, biết GDP của EU là 17177,4 tỉ USD.

Tính giá trị GDP của CHLB Đức năm 2021. (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD).

Câu 5. Tính GDP bình quân trên người của EU năm 2021 biết số dân là 447,1 triệu người và GDP là 17200 tỉ USD? (lấy kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất của nghìn USD/người).

Câu 6. Tính cán cân xuất nhập khẩu của EU năm 2021 biết giá trị xuất khẩu là 8670,6 tỉ USD, giá trị nhập khẩu là 8016,6 tỉ USD? (lấy kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD).

----- HẾT -----

Thời gian làm bài: 45 phút
(không kể thời gian phát đề)

(Đề thi có 3 trang)

Họ và tên: Số báo danh: Mã đề 102

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Trụ sở của Liên Hợp Quốc được đặt ở thành phố nào ?

- A. Luân Đôn (Anh). B. Bec-lin (Đức).
C. Pa-ri (Pháp). D. New-York (Hoa Kì).

Câu 2. Do lãnh thổ Mĩ La Tinh rộng lớn và trải dài trên nhiều vĩ độ nên khu vực này có

- A. nhiều loại đất khác nhau.
B. nhiều loại tài nguyên khoáng sản quý.
C. nhiều dạng địa hình khác nhau.
D. nhiều đới và kiểu khí hậu khác nhau.

Câu 3. Cho bảng số liệu:

QUY MÔ GDP VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA KHU VỰC MỸ LA TINH
NĂM 2020

QUỐC GIA	GDP (Tỉ USD)	DÂN SỐ (Triệu người)
Mê – hi – cô	1090,5	127,8
Bra xin	1448,6	211,8
Chi lê	252,7	19,3

- A. Quy mô GDP của các nước trong khu vực Mĩ La Tinh tương đương nhau.
B. Chi lê là quốc gia có GDP/ người cao nhất.
C. Dạng biểu đồ thích hợp thể hiện số dân của một số nước trong khu vực Mỹ La Tinh là đường.
D. Bra xin có quy mô GDP cao nhất.

Câu 4. Để bảo vệ hoà bình thế giới, các quốc gia *không* nên

- A. tăng cường đối thoại để giải quyết mâu thuẫn.
B. dùng vũ khí để giải quyết mâu thuẫn.
C. loại bỏ vũ khí hạt nhân và vũ khí huỷ diệt.
D. tham gia lực lượng giữ gìn hoà bình Liên Hợp Quốc.

Câu 5. Toàn cầu hoá trong khu vực tài chính *không* được biểu hiện qua nội dung nào sau đây ?

- A. Tự do hoá việc di chuyển của dân cư.
B. Tự do hoá việc di chuyển của các luồng vốn quốc tế.
C. Tự do hoá tham gia hoạt động ngân hàng
D. Tự do hoá lãi suất.

Câu 6. Mật độ dân số trung bình của Mĩ La Tinh năm 2020 là

- A. 63 người/km². B. 33 người/km². C. 53 người/km². D. 23 người/km².

Câu 7. Phía đông và phía tây của Mĩ La Tinh giáp với hai đại dương lớn, đã tạo điều kiện

- A. phát triển giao thông vận tải biển và các ngành khai thác khoáng sản kim loại.
B. phát triển các ngành kinh tế biển, giao lưu, hợp tác với các nước bằng đường bộ.
C. phát triển ngành công nghiệp khai khoáng và giao lưu với các nước trên thế giới bằng đường bộ.
D. phát triển các ngành kinh tế biển, giao lưu, hợp tác với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Câu 8. Nguyên nhân gây mất an ninh lương thực *không* bao gồm nguyên nhân nào sau đây ?

- A. Thiên tai, dịch bệnh.
B. Nguồn tài nguyên khoáng sản cạn kiệt.

C. Các cuộc xung đột vũ trang.

D. Biến đổi khí hậu.

Câu 9. Cho bảng số liệu:

TRỊ GIÁ XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ TOÀN THỂ GIỚI GIAI ĐOẠN
2000-2020

Đơn vị: tỉ USD.

Năm/ Trị giá	Xuất khẩu	Nhập khẩu
2000	8 034,8	8 003,7
2015	21 280,8	20 815,8
2020	22 350,6	21 49,6

A. Năm 2020 giá trị xuất khẩu nhỏ hơn giá trị nhập khẩu.

B. Dạng biểu đồ thích hợp nhất so trị giá xuất nhập khẩu thế giới giai đoạn 2000-2020 là biểu đồ tròn.

C. Giá trị nhập khẩu thế giới năm 2015 có giá trị lớn nhất.

D. Giá trị xuất khẩu toàn thế giới giai đoạn 2000-2020 tăng liên tục.

Câu 10. Nhóm đất feralit phân bố trên các cao nguyên ở Nam Mỹ, tạo thuận lợi cho phát triển

A. cây ăn quả và cây lương thực.

B. cây công nghiệp và cây ăn quả.

C. cây lương thực và cây công nghiệp.

D. cây lương thực và chăn nuôi.

Câu 11. Khu vực Mĩ La Tinh tiếp giáp với hai đại dương nào ?

A. Thái Bình Dương và Bắc Băng Dương.

B. Thái Bình Dương và Đại Tây Dương.

C. Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.

D. Đại Tây Dương và Ấn Độ Dương.

Câu 12. Cơ cấu ngành kinh tế của các nước đang phát triển chuyển dịch theo hướng

A. từ nền kinh tế công nghiệp sang nền kinh tế tri thức.

B. giảm các ngành có chất lượng cao, tăng các ngành có chất lượng thấp.

C. công nghiệp hoá và hiện đại hoá.

D. giảm tỉ trọng ngành dịch vụ, tăng tỉ trọng ngành công nghiệp.

Câu 13. Thu nhập quốc gia bình quân đầu người phản ánh

A. trình độ phân công lao động xã hội và chất lượng cuộc sống của dân cư.

B. trình độ học vấn và chất lượng cuộc sống của dân cư.

C. trình độ phát triển kinh tế và chất lượng cuộc sống của dân cư.

D. trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và năng suất lao động xã hội.

Câu 14. Liên Hợp Quốc viết tắt là

A. APEC.

B. UNESCO.

C. UN.

D. WTO.

Câu 15. Việt Nam gia nhập tổ chức Thương Mại Thế Giới vào năm

A. 1967.

B. 1995.

C. 1989.

D. 2007.

Câu 16. Phía bắc của Mĩ La Tinh giáp với quốc gia nào ?

A. Mê-hy-cô.

B. Hoa Kì.

C. Bra-xin.

D. Ca-na-đa.

Câu 17. Biểu hiện nào sau đây *không* phải của toàn cầu hoá kinh tế ?

A. Vai trò của các công ty đa quốc gia ngày càng giảm.

B. Gia tăng số lượng các tiêu chuẩn áp dụng toàn cầu.

C. Thị trường tài chính quốc tế mở rộng.

D. Thương mại thế giới phát triển mạnh.

Câu 18. Nguồn cung cấp nước chủ yếu cho các hệ thống sông ở phía đông dãy An-đét là

A. băng tuyết tan.

B. nước mưa.

C. nước ngầm.

D. nước hồ, đầm.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Năng lượng là nhân tố tác động trực tiếp đến sự phát triển kinh tế - xã hội ở hầu hết các quốc gia trên thế giới, ảnh hưởng đến quan hệ quốc tế. An ninh năng lượng được hiểu là việc duy trì các nguồn cung cấp năng lượng, giá cả hợp lí, đồng thời phải tiến hành công tác bảo vệ môi trường và cung cấp khả năng ứng phó với các tình huống khẩn cấp.

a) Trữ lượng và sản lượng một số nguồn năng lượng hoá thạch có xu hướng giảm.

b) Các cuộc xung đột ở thế kỉ XX đều liên quan đến vấn đề năng lượng và an ninh năng lượng.

c) Hiện nay các nguồn năng lượng tái tạo đã thay thế hoàn toàn nguồn năng lượng hoá thạch.

d) Hiện nay thế giới phụ thuộc nhiều vào nguồn năng lượng tái tạo.

Câu 2. Mỹ La Tinh là khu vực rộng lớn, có diện tích khoảng 20 triệu km², bao gồm Mê-hi-cô, các quốc đảo trong vùng biển Ca-ri-bê, các quốc gia ở eo đất Trung Mỹ và toàn bộ Nam Mỹ.

a) Kênh đào Pa-na-ma nối giữa Đại Tây Dương và Ấn Độ Dương.

b) Phía bắc Mỹ La Tinh giáp với Hoa Kỳ và Ca-na-đa.

c) Mỹ La Tinh là một bộ phận của châu Mỹ, nằm hoàn toàn ở bán cầu tây.

d) Phía đông và phía tây Mỹ La Tinh giáp hai đại dương lớn.

Câu 3. Bảo vệ hoà bình là bảo đảm tình trạng bình yên, ổn định cho phát triển, không có chiến tranh hay xung đột vũ trang, duy trì mối quan hệ hiểu biết, tôn trọng, bình đẳng và hợp pháp giữa các quốc gia, dân tộc, người dân.

a) Bảo vệ hoà bình trên thế giới giúp tăng trưởng kinh tế, tăng cường các mối quan hệ hợp tác kinh tế.

b) Hiện nay có nhiều mối đe dọa hoà bình và an ninh quốc tế như đói nghèo, xung đột vũ trang, biến đổi khí hậu...

c) Để bảo vệ hoà bình các quốc gia cần tăng cường phòng thủ giải quyết mâu thuẫn xung đột bằng vũ trang.

d) Bảo vệ hoà bình là trách nhiệm của một số quốc gia và một số khu vực trên thế giới.

Câu 4. Nền kinh tế Mỹ La Tinh còn phụ thuộc nhiều vào tư bản nước ngoài, các quốc gia trong khu vực có tỉ lệ nợ nước ngoài cao so với GDP.

a) GDP giữa các quốc gia trong khu vực Mỹ La Tinh không có sự chênh lệch nhiều.

b) Nợ nước ngoài gây khó khăn trong vấn đề giải quyết việc làm, cải thiện cuộc sống người dân.

c) Tốc độ tăng GDP của khu vực Mỹ La Tinh tương đối ổn định.

d) Nợ nước ngoài đã kìm hãm tốc độ tăng trưởng kinh tế của Mỹ La Tinh.

PHẦN III: Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Cho bảng số liệu:

GDP CỦA EU GIAI ĐOẠN 1957 - 2021

Đơn vị: Nghìn tỉ USD

Năm	1957	1995	2007	2013	2021
GDP	1,1	8,3	14,7	15,3	17,2

Tính tốc độ tăng trưởng GDP của EU năm 2021, lấy năm 1957 = 100% là năm gốc. (Lấy kết quả đến hàng đơn vị của %).

Câu 2. Tính GDP bình quân trên người của EU năm 2021 biết số dân là 447,1 triệu người và GDP là 17200 tỉ USD? (lấy kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất của nghìn USD/người).

Câu 3. Năm 2021 GDP CHLB Đức chiếm 24,8% GDP của EU, biết GDP của EU là 17177,4 tỉ USD. Tính giá trị GDP của CHLB Đức năm 2021. (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD).

Câu 4. Tính cán cân xuất nhập khẩu của EU năm 2021 biết giá trị xuất khẩu là 8670,6 tỉ USD, giá trị nhập khẩu là 8016,6 tỉ USD? (lấy kết quả đến hàng đơn vị của tỉ USD).

Câu 5. Cho bảng số liệu:

GDP CỦA CÁC TRUNG TÂM KINH TẾ LỚN CỦA THẾ GIỚI NĂM 2021

Đơn vị: Tỉ USD

Các trung tâm kinh tế	EU	Hoa Kỳ	Trung Quốc	Nhật Bản	Thế giới
GDP	17177,4	23315,1	17734,1	4940,9	96513,1

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, 2022)

Tính tỉ trọng GDP của EU so với thế giới năm 2021? (lấy kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất của %).

Câu 6. Tính mật độ dân số của EU năm 2021 biết dân số là 447,1 triệu người và diện tích là 4,233 triệu km²? (Lấy kết quả đến hàng đơn vị của người / km²).

----- HẾT -----

Đề/câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	1a
000	A	A	A	A	A	A	A	A	A	A	A	A	A	A	A	A	A	A	S
101	C	A	D	B	D	C	B	C	B	C	A	B	B	D	D	C	D	B	D
102	D	D	D	B	A	B	D	B	D	B	B	C	C	C	D	B	A	B	D
103	B	B	A	D	B	A	D	A	D	B	C	A	C	B	C	C	C	B	S
104	C	B	A	D	A	A	D	C	C	D	A	C	C	D	C	B	D	C	S

1b	1c	1d	2a	2b	2c	2d	3a	3b	3c	3d	4a	4b	4c	4d	1	2	3	4
D	D	S	D	S	D	S	D	D	S	S	D	D	S	S	105	38,4	1563	17,7
D	S	S	S	D	D	S	D	S	S	D	S	D	D	S	17,7	105	1563	4260
D	S	S	S	S	D	D	D	D	S	S	S	D	S	D	1563	38,4	4260	654
S	D	D	S	D	S	D	D	D	S	S	D	S	S	D	654	4260	38,4	17,7
D	D	S	S	D	D	S	D	S	D	S	D	S	D	S	17,7	1563	4260	105

5	6
654	4260
38,4	654
17,7	105
1563	105
654	38,4